

CHÍNH PHỦ
Số: 67/2003/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH

Về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường từ nước thải, sử dụng tiết kiệm nước sạch và tạo nguồn kinh phí cho Quỹ Bảo vệ môi trường thực hiện việc bảo vệ, khắc phục ô nhiễm môi trường;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 2.

- Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Nghị định này là nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt.
- Nước thải công nghiệp là nước thải ra môi trường từ các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản.

3. Nước thải sinh hoạt là nước thải ra môi trường từ các hộ gia đình, tổ chức khác không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 3. Tổ chức, hộ gia đình có nước thải quy định tại Điều 2 Nghị định này là đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 4. Không thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong các trường hợp sau:

1. Nước xả ra từ các nhà máy thủy điện, nước tuần hoàn trong các nhà máy điện;
2. Nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra;
3. Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;
4. Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn và những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch.

Điều 5. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Chương 2:

MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Điều 6. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định như sau:

1. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá bán của 1m^3 (một mét khối) nước sạch, nhưng tối đa không quá 10% (mười phần trăm) của giá bán nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng (trừ hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch), thì mức thu được xác định theo từng người sử dụng nước, căn cứ vào số lượng nước sử dụng bình quân của một người trong xã, phường nơi khai thác và giá cung cấp 1m^3 nước sạch trung bình tại địa phương.

2. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp tính theo từng chất gây ô nhiễm được quy định như sau:

STT	Chất gây ô nhiễm có trong nước thải		Mức thu (đồng/kg chất gây ô nhiễm có trong nước thải)	
	Tên gọi	Ký hiệu	Tối thiểu	Tối đa
1	Nhu cầu ô xy sinh hoá	A_{BOD}	100	300
2	Nhu cầu ô xy hoá học	A_{COD}	100	300
3	Chất rắn lơ lửng	A_{TSS}	200	400
4	Thủy ngân	A_{Hg}	10.000.000	20.000.000
5	Chì	A_{Pb}	300.000	500.000
6	Arsenic	A_{As}	600.000	1.000.000
7	Cadmium	A_{Cd}	600.000	1.000.000

Điều 7.

1. Căn cứ quy định về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này và tình hình kinh tế - xã hội, đời sống, thu nhập của nhân dân ở địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt áp dụng cho từng địa bàn, từng loại đối tượng tại địa phương.

2. Căn cứ khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường đối với từng chất gây ô nhiễm trong nước thải công nghiệp cho phù hợp với từng môi trường tiếp nhận nước thải, từng ngành nghề; hướng dẫn việc xác định số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp phải nộp của đối tượng nộp phí.

Điều 8. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau: